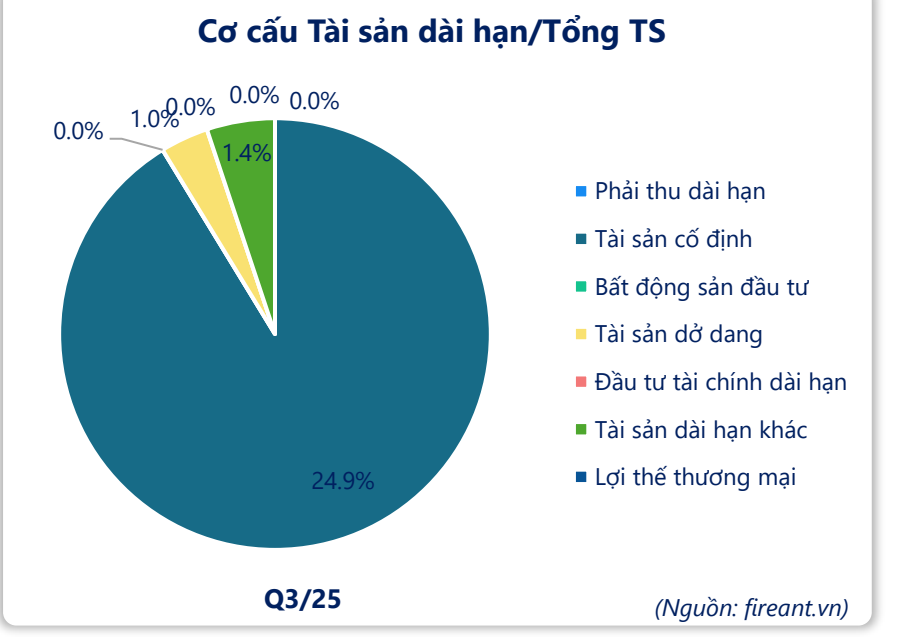
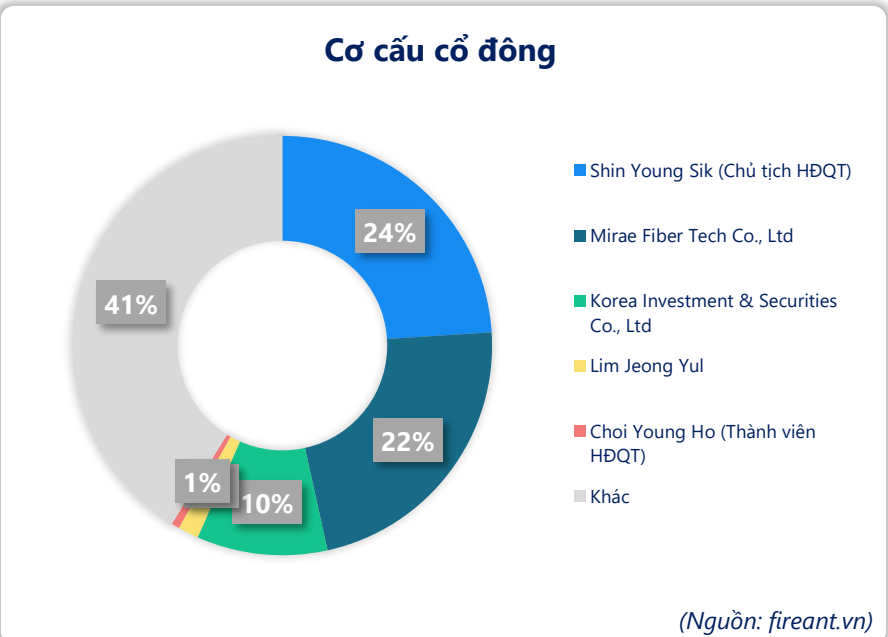
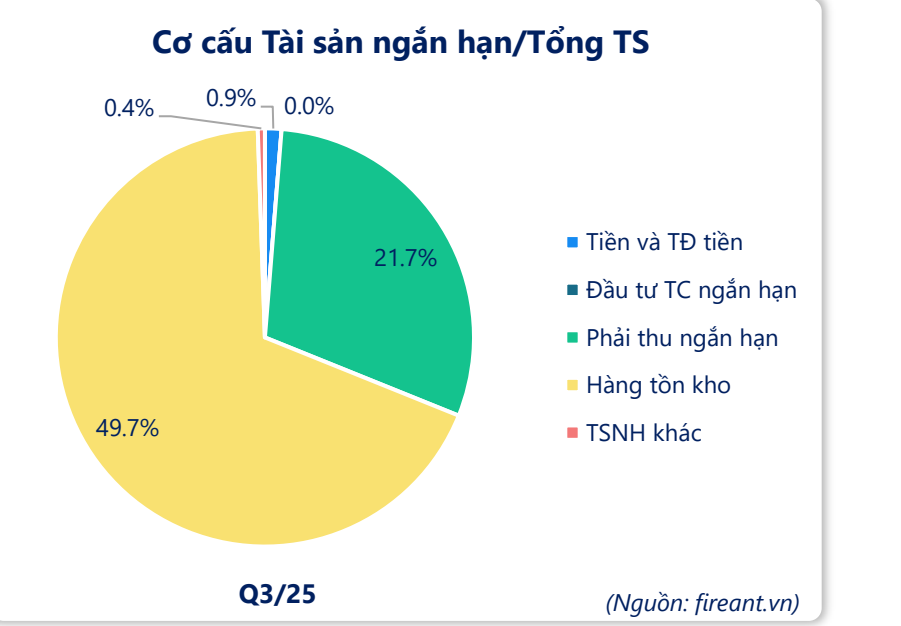
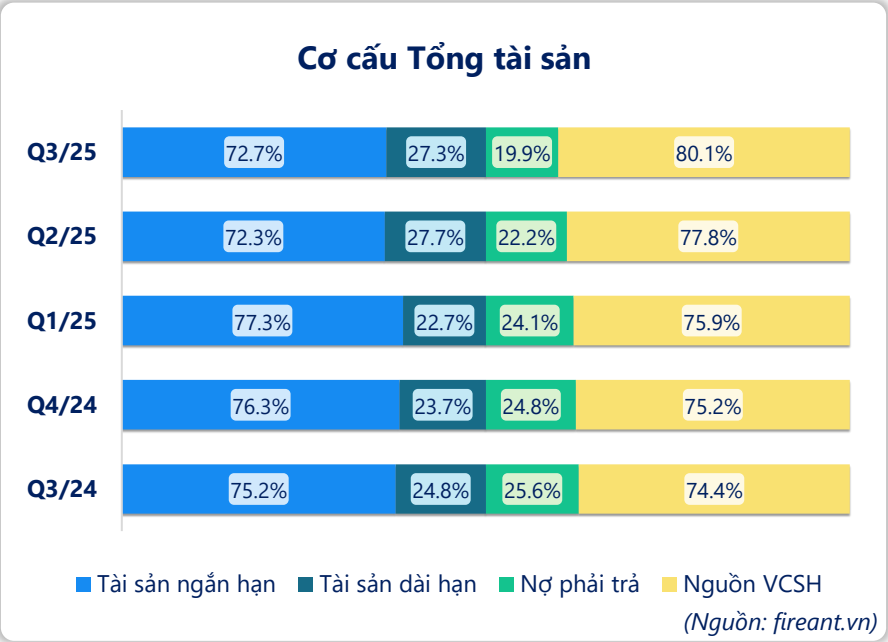
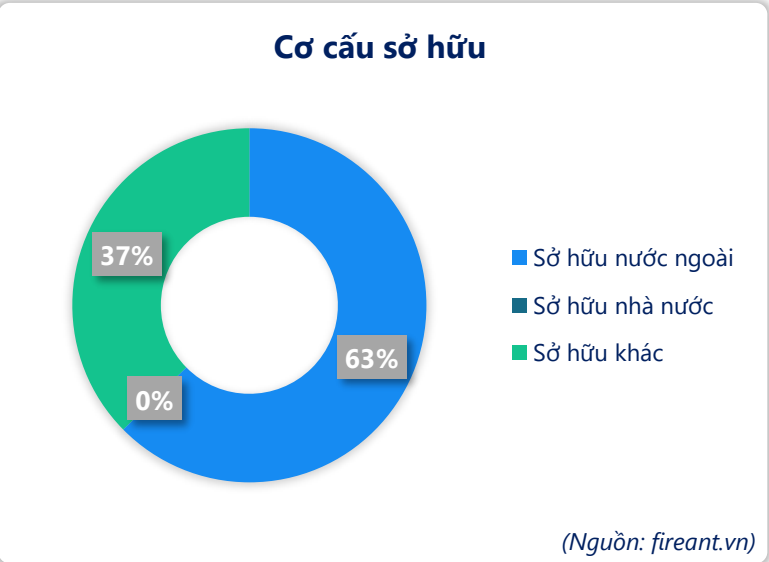
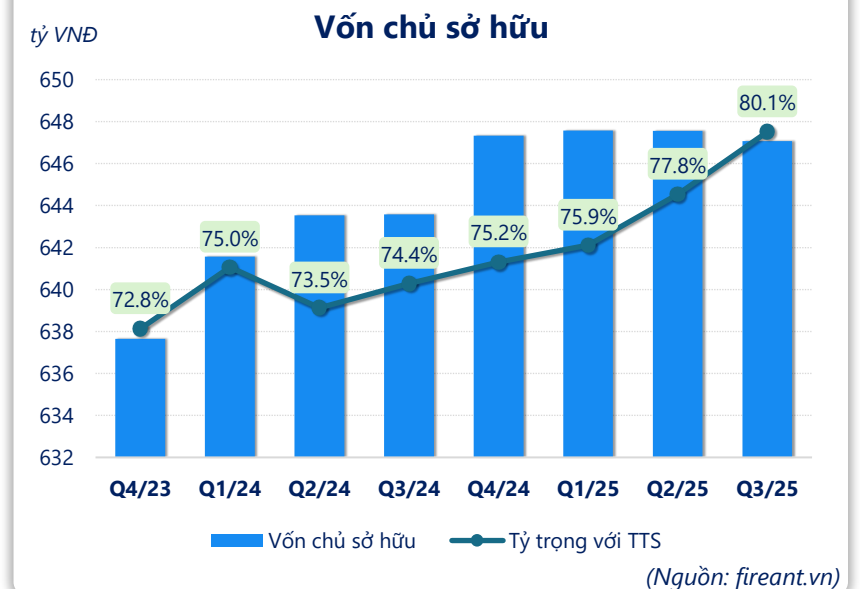
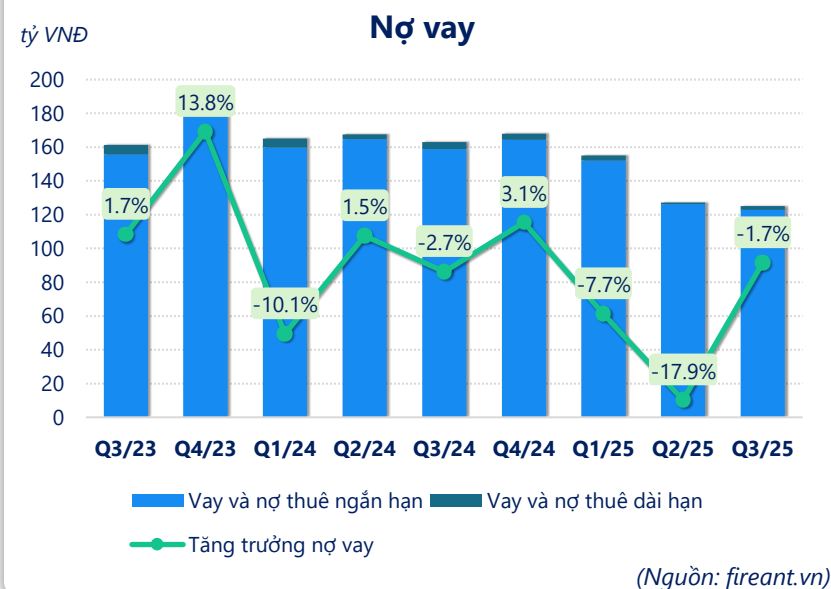
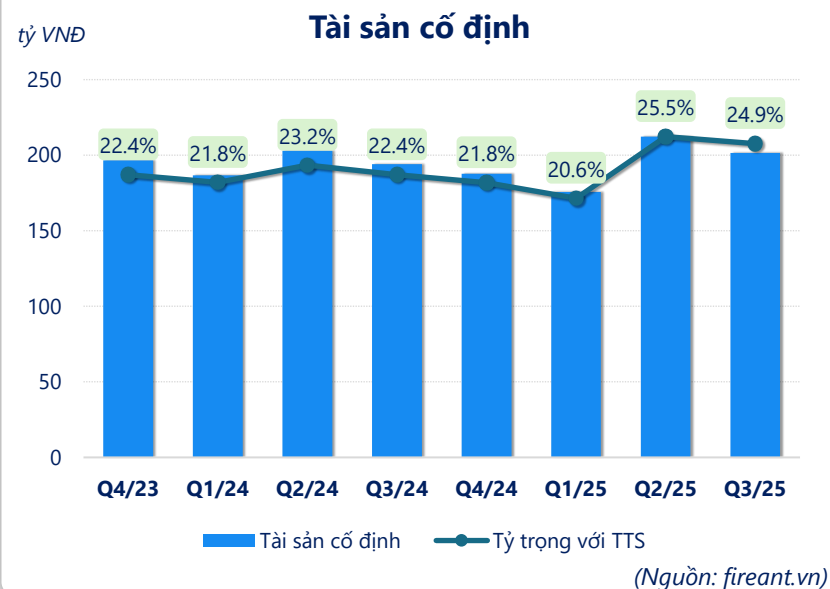
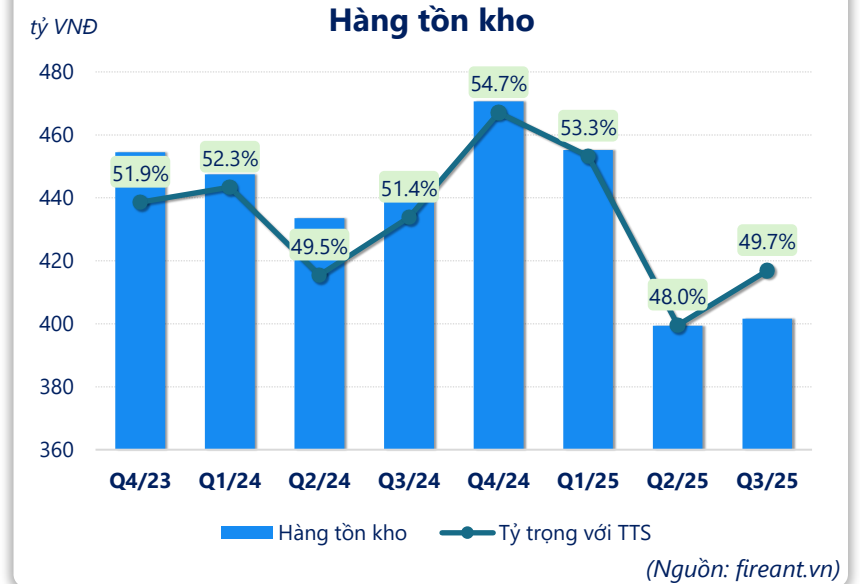
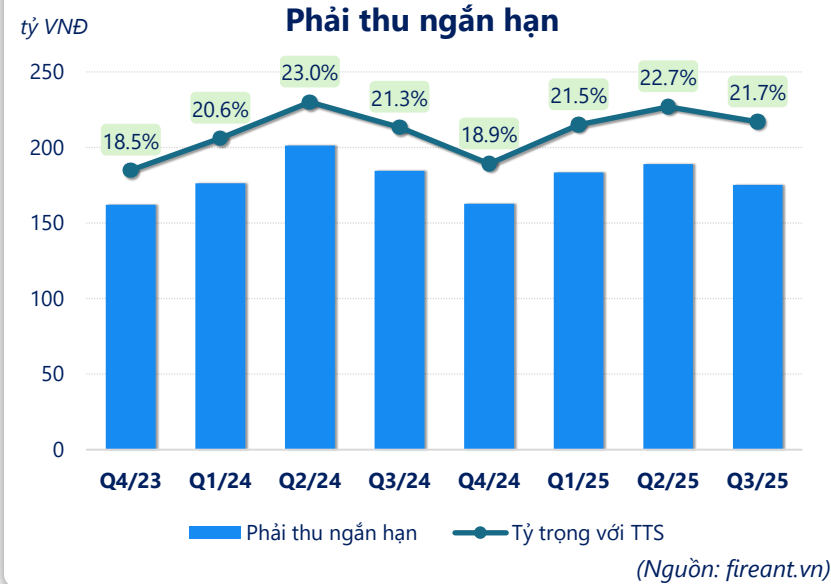
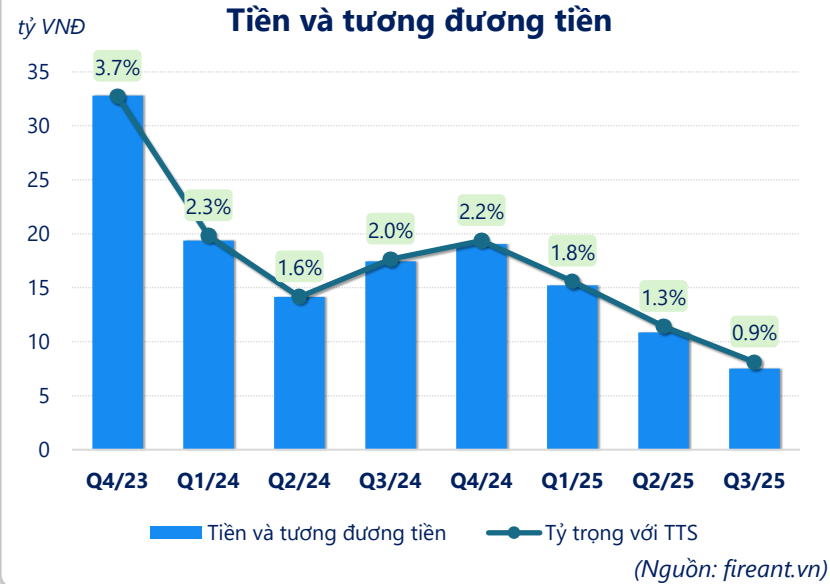
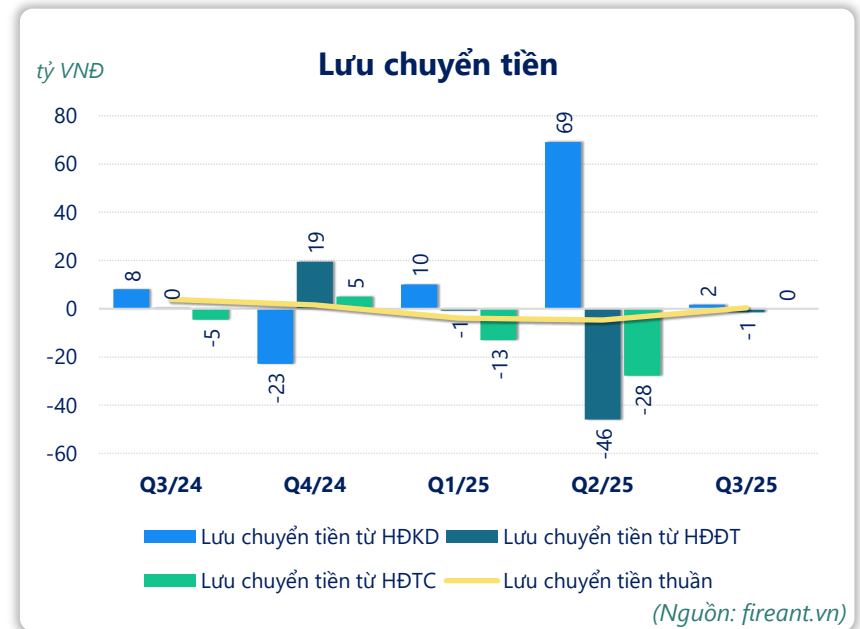
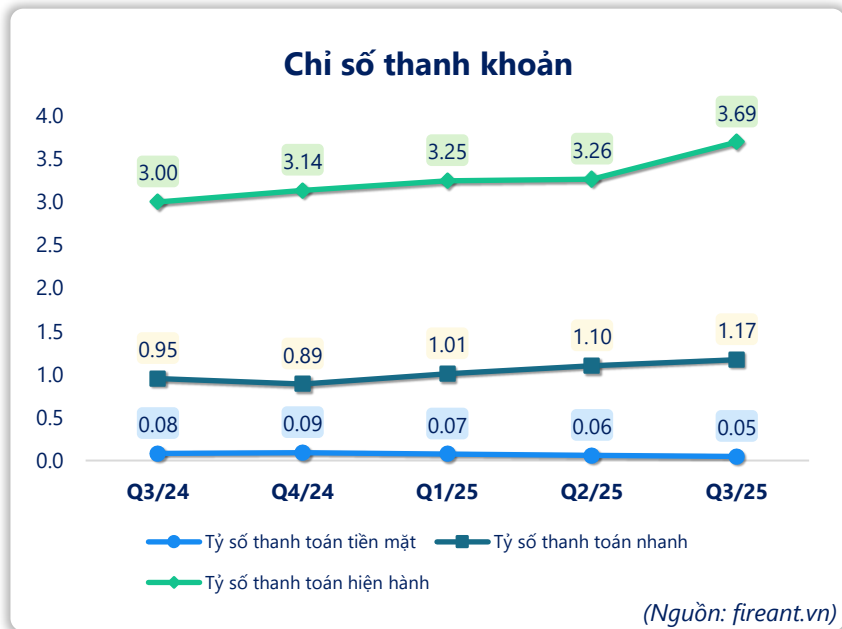
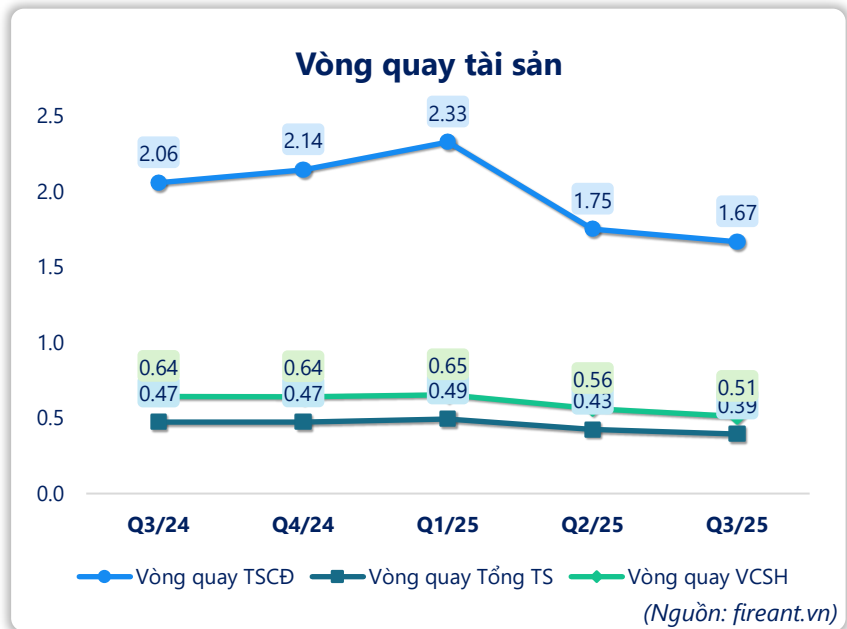
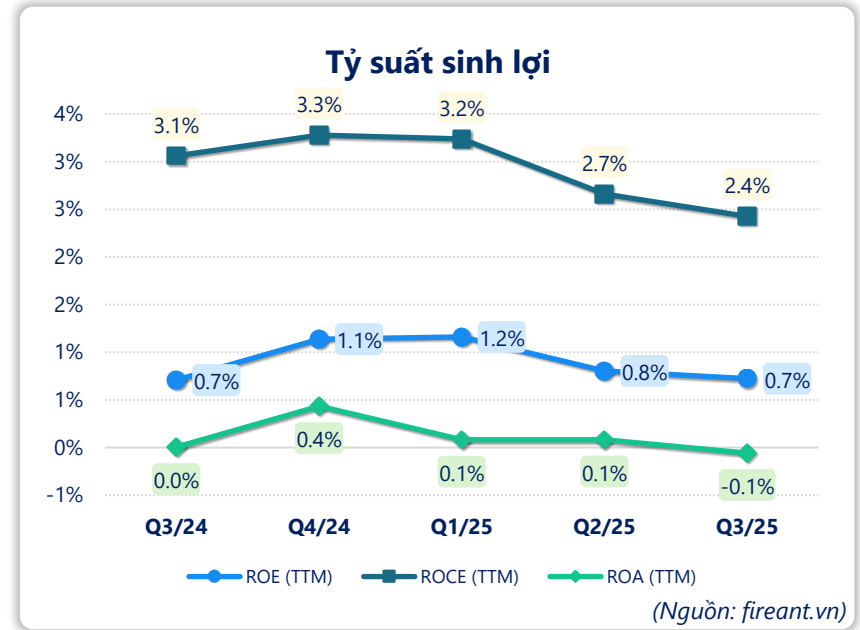
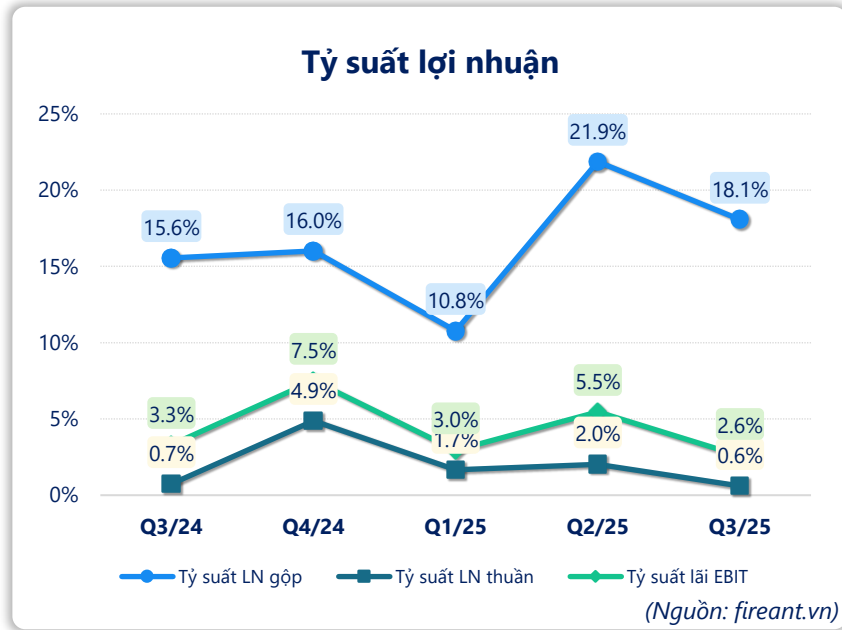
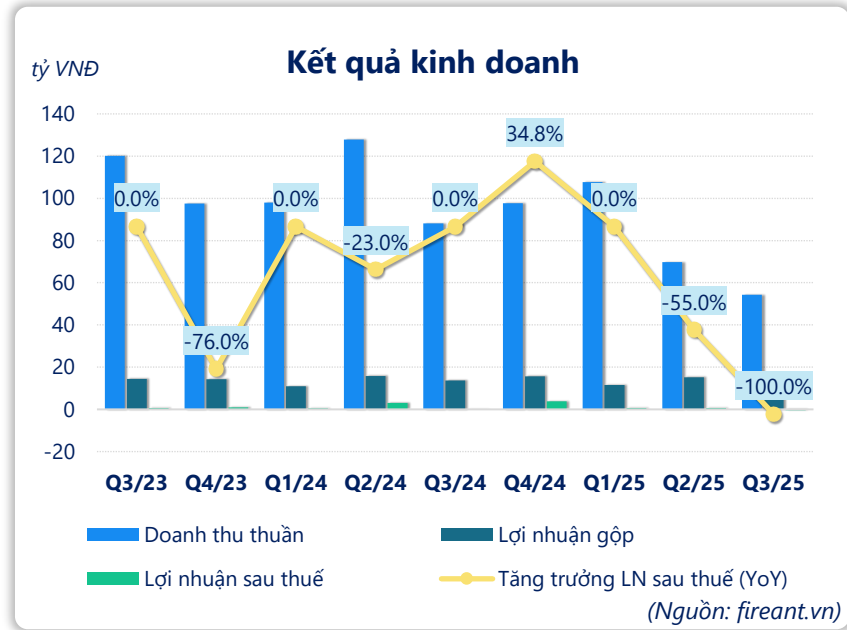


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,060
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,470
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,830
SL cổ phiếu LH		56,877,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,620
% sở hữu nước ngoài		62.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		174
P/E		37.3
EPS		82

	YTD	1T	3T	6T
KMR	-5.6%	-1.3%	0.3%	-7.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	808	861	-6.1%
Tài sản ngắn hạn	588	657	-10.5%
Tiền và tương đương tiền	7.50	19.0	-60.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	175	163	7.5%
Hàng tồn kho	402	471	-14.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.22	4.01	-19.7%
Tài sản dài hạn	221	204	8.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	201	186	8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.97	5.59	42.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.3	12.6	-10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	161	214	-24.6%
Nợ ngắn hạn	159	212	-24.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	166	-25.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.2	19.9	-18.6%
Nợ dài hạn	2.11	2.03	4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.11	2.03	4.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	647	647	0.0%
Vốn chủ sở hữu	647	647	0.0%
Vốn điều lệ	569	569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	88.2	97.6	108	69.7	54.4
Giá vốn hàng bán	74.4	82.0	96.1	54.5	44.5
Lợi nhuận gộp	13.7	15.6	11.6	15.2	9.82
Doanh thu HĐTC	-0.35	2.84	0.34	1.10	-0.28
Chi phí TC	2.58	4.55	2.49	2.95	1.97
Chi phí lãi vay	2.81	2.70	2.49	2.62	1.89
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.30	3.84	3.66	4.36	3.04
Chi phí QLDN	4.83	5.33	3.99	7.63	4.19
LN thuần từ HĐKD	0.65	4.76	1.80	1.41	0.33
Lợi nhuận khác	-0.55	-0.13	-1.11	-0.22	-0.82
LN trước thuế	0.10	4.63	0.69	1.20	-0.49
Lợi nhuận sau thuế	0.03	3.76	0.69	0.70	-0.49
LNST của CĐ cty mẹ	0.03	3.76	0.69	0.70	-0.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.04	-22.8	10.1	69.1	1.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.44	19.4	-0.87	-46.0	-1.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.59	5.01	-13.0	-27.8	0
Tiền đầu kỳ	14.2	17.4	19.0	15.2	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	3.88	1.61	-3.81	-4.68	0.31
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.61	0	0	0.31	-0.31
Tiền cuối kỳ	17.4	19.0	15.2	10.9	10.9

(Nguồn: fireant.vn)